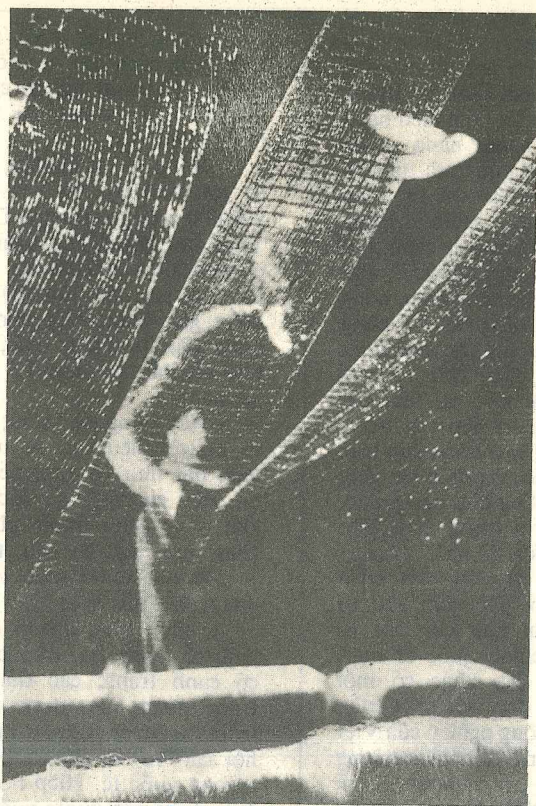


MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CHUNG QUANH VIỆC CÔNG NGHIỆP HÓA VIỆT NAM TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000



PHAN TƯỜNG VÂN
(Tiến sĩ Kinh tế)

Con đường phát triển kinh tế hợp lý và có hiệu quả nhất cho Việt Nam đến năm 2000 là con đường công nghiệp hóa. Nhưng ta bắt đầu từ đâu? Vì ở mỗi thời kỳ phát triển ta chỉ dựa vào hoạt động một số công nghiệp thích đáng để đưa quá trình công nghiệp hóa một đất nước đến chỗ thành công nổi bật. Thí dụ về những thành công mà các nước như Nam Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông, và Singapore đã có được cho ta thấy các nước đó đều đi lên bằng con đường công nghiệp hóa đất nước của họ nhưng quá trình công nghiệp hóa cụ thể của từng nước không giống nhau. Cho nên nếu có được một thông tin nào khẳng định được rằng vào một giai đoạn phát triển nào đó thì nên phát triển những loại hình công nghiệp nào, thì thông tin đó rất quý đối với những người hoạch định chính sách, làm kế hoạch, tư vấn cho lãnh đạo các cấp, nhất là cấp cao của nhà nước trung ương, cùng những nhà nghiên cứu về phát triển kinh tế. Vì từ thông tin loại này người ta có thể định ra các kế hoạch nhằm tập trung mọi năng lực của đất nước để triển khai những công nghiệp đặc biệt nào đó cho thời kỳ phát triển. Thí dụ nếu mọi phát triển công nghiệp khởi sự bằng phát triển ngành dệt, khi đó các nhà làm kế hoạch

sẽ tập trung mọi quan tâm, nỗ lực của họ vào việc làm thế nào xây dựng lên được ngành công nghiệp dệt để rồi lo xây dựng những ngành công nghiệp khác vào giai đoạn phát triển kế tiếp. Tương tự như thế, nếu mọi người đều đồng ý rằng việc triển khai ngành công nghiệp chế tạo xe ô-tô chỉ có cơ thành công vào giai đoạn đất nước đã có mức thu nhập tính theo đầu người cao đến một mức nào đó, thì những người định ra các chính sách phát triển cho những nền kinh tế đang ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển sẽ không bao giờ để mất thì giờ trong ước muốn xây dựng ngành công nghiệp ô-tô trong giai đoạn này cả. Và họ cũng không bao giờ quyết định đầu tư dù với một khoản tiền khiêm nhường cho ngành ô-tô.

Theo các chuyên gia kinh tế về bộ môn này thì có hai cách tiếp cận vấn đề: cách tiếp cận thực nghiệm và cách tiếp cận lý thuyết.

Trong cách tiếp cận thực nghiệm, người ta phân biệt ba loại công nghiệp: công nghiệp của giai đoạn đầu, công nghiệp của giai đoạn giữa và công nghiệp của giai đoạn cuối. Công nghiệp của giai đoạn đầu là những công nghiệp cung ứng các mặt hàng cần thiết cho nhân dân các nước nghèo với các công nghệ giản đơn. Đúng về mặt thống kê mà nói, thì cái phần sản lượng của các

công nghiệp này trong tổng sản phẩm quốc dân tăng tỷ lệ khi mức thu nhập quốc dân tính theo đầu người còn mức thấp, nhưng nó sẽ ngưng tăng trưởng khi mức thu nhập tính theo đầu người còn khá thấp, và sau đó có thể giảm. Người ta thường xếp các ngành chế biến thực phẩm và ngành dệt vào loại các công nghiệp của giai đoạn đầu.

Còn các công nghiệp của giai đoạn cuối được định nghĩa như những công nghiệp mà phần sản lượng của chúng trong tổng sản lượng quốc dân tiếp tục gia tăng ngay cả khi mức thu nhập tính theo đầu người đã ở mức cao. Nhớ rằng bao gồm những công nghiệp sẽ xuất ra các mặt hàng lâu bền cũng như các mặt hàng kim loại khác.

Các công nghiệp của giai đoạn giữa là những công nghiệp nằm ở khoảng giữa hai loại công nghiệp vừa nêu trên.

Nói thì nghe dễ nhưng thường rất khó cho ta khi xếp một công nghiệp nào đó vào một trong ba loại công nghiệp như vừa mô tả. Đối với nhiều loại công nghiệp, ta không thể dựa vào kinh nghiệm các nền công nghiệp của Mỹ và Châu Âu trong thế kỷ 19 để xếp loại chúng được, vì lẽ chúng rất quan trọng ngày hôm nay nhưng chưa hình thành trong thế kỷ trước (Chẳng hạn như ngành phân hóa học chỉ phát triển trong thế kỷ này mà thôi).

Cách phân tích các số liệu lấy từ một mẫu gồm nhiều nước trong một thời gian nào đó loại trừ cho ta vấn đề khó khăn vừa nêu nhưng lại để lại những vấn đề khác cũng làm cho ta khó xếp loại công nghiệp ở giai đoạn nào trong ba loại công nghiệp vừa kể. Chẳng hạn, ở một số nước Á Rập xuất khẩu dầu mỏ, việc thành lập một số công nghiệp có liên quan đến dầu mỏ không phải vì lý do gì khác hơn lý do là tại các nước này tài nguyên dầu mỏ ở dưới lòng đất rất phong phú. (Malaysia, khí hậu và thổ nhưỡng thích cho nước này thành lập các ngành sản xuất cao su, cọ dầu, và gỗ. Singapore và HongKong không có tài nguyên thiên nhiên gì cả nhưng lại có rất nhiều kinh nghiệm về ngoại thương nên hai nước này lại phát triển ngành dệt, điện tử cùng những mặt hàng chế tạo khác để xuất khẩu. Nói tóm lại, cái phần sản lượng của một ngành công nghiệp nào đó trong tổng sản phẩm quốc dân của từng nước một được định bởi mức tài nguyên tự nhiên của nước đó, bởi sự kế thừa về mặt lịch sử những kinh nghiệm về thương mại và mậu dịch cùng những yếu tố khác. Không có một mẫu phát triển công nghiệp duy nhất nào, hoặc hai hoặc ba mẫu khác nhau mà tất cả các nước đều phải theo đuổi một khi họ muốn thoát ra khỏi vòng nghèo đói. Có vài ngành công nghiệp sử dụng những kỹ thuật sản xuất mà ta dễ nắm vững hơn, như ngành dệt thì người ta dễ xây dựng trong giai đoạn đầu phát triển hơn so với những

ngành khác như ngành chế tạo các máy bay hàng không dân dụng. Và nhiều hướng tiêu dùng của nhân dân chỉ mang một tính quy tắc nào đó khi họ chuyển từ một mức thu nhập thấp lên một mức thu nhập cao hơn. Trong kinh tế học, người ta thường sử dụng quy luật Engel để giải thích một phần lý do tại sao cái phần của nông nghiệp trong tổng sản phẩm quốc dân lại giảm đi khi thu nhập quốc dân tính theo đầu người tăng lên. Quy luật Engel cũng giải thích tại sao cái phần của ngành chế biến thực phẩm trong tổng sản phẩm quốc dân lại giảm khi mức thu nhập tính theo đầu người tăng. Nhưng trước khi những người làm kế hoạch cho nền kinh tế có thể đi đến quyết định là nên đẩy mạnh ngành công nghiệp nào trong bất kỳ nước nào, họ phải biết được những điều kiện đặc biệt của nước đó cũng như những mẫu có tính tổng hợp hơn.

Đó là những cách tiếp cận thực nghiệm. Còn cách tiếp cận lý thuyết thì sao? Từ lâu đã có một cuộc tranh luận xoay quanh vấn đề phát triển cân đối và không cân đối. Những nhà kinh tế học nổi tiếng chủ trương thuyết phát triển cân đối gồm có Ragnar Nurkse và Paul Rosenstein - Rodan. Họ lập luận rằng một nước nào đó phải triển khai cùng lúc một số các công nghiệp rộng lớn nếu muốn đạt được mức tăng trưởng bền vững. Giả dụ muốn khởi sự quá trình phát triển của mình bằng cách xây dựng một xí nghiệp đóng giày, người ta xây dựng lên xí nghiệp đóng giày, thuê mượn và đào tạo công nhân và xí nghiệp khởi sự sản xuất ra giày. Mọi việc đều xảy ra tốt đẹp cho đến khi xí nghiệp bắt đầu bán các đôi giày do mình sản xuất ra. Công nhân của xí nghiệp sử dụng phần thu nhập vừa có của họ để mua những đôi giày mới mà xí nghiệp vừa đưa ra thị trường. Nhưng lẽ dĩ nhiên, họ sản xuất ra nhiều đôi giày hơn số lượng chính họ và gia đình họ cần mua. Phần dư thừa còn lại giả dụ chủ yếu gồm những nông dân nghèo, thu nhập không tăng, do đó không có khả năng mua giày. Họ tiếp tục đi những đôi dép do họ chế tạo lấy. Về phần của xí nghiệp thì không thể bán được mặt hàng của mình sản xuất, đi đến phá sản. Cố gắng khởi sự quá trình phát triển của đất nước này chấm dứt với sự đóng cửa của xí nghiệp.

Giải pháp được đề xuất cho vấn đề này là người ta phải xây dựng một loạt các xí nghiệp khác cùng lúc với việc xây dựng xí nghiệp đóng giày nói trên. Giả dụ như người ta xây dựng một nhà máy chế biến bột mì, một xí nghiệp dệt, một xưởng sản xuất xe đạp, và một số những xí nghiệp, xưởng khác nữa. Như vậy xí nghiệp đóng giày nói trên có thể bán giày cho công nhân làm việc ở các xí nghiệp hoặc xưởng, nhà máy đã được song song thành lập. Đến lượt các công nhân của xí nghiệp

đóng giày sẽ mua xe đạp, quần áo, và bột mì, như vậy các xí nghiệp sẽ không đi đến phá sản. Loại phát triển này được các nhà kinh tế học đặt tên là mức phát triển cân đối về phía cầu. Sở dĩ họ đặt cho tên gọi như thế là vì các công nghiệp được triển khai là do chiều hướng cầu của những người tiêu dùng hoặc của những người đầu tư định ra. Còn người ta đặt cho cái tên gọi là mức phát triển cân đối về phía cung để chỉ nhu cầu phải xây dựng lên một số các công nghiệp nhằm tránh tình trạng tắc nghẽn xảy đến cho việc cung ứng hàng hóa trong nền kinh tế. Chẳng hạn như khi có kế hoạch xây dựng một nhà máy sản xuất thép, các nhà hoạch định kế hoạch phải chắc chắn là người ta cũng phải phát triển việc khai thác các mỏ sắt và than đá cùng các nhà máy làm than cốc (coke), nếu không thì các nguồn nhập lượng này phải sẵn có rồi. Nếu đứng trên một mức tổng hợp hơn để bàn thì ta cũng cần duy trì một thể quân bình giữa việc phát triển nông nghiệp và phát triển công nghiệp. Nếu không có thể quân bình đó thì các điều kiện trao đổi thương mại giữa nông nghiệp và công nghiệp sẽ trở nên bất lợi cho công nghiệp đến mức mọi tầng trưởng của toàn bộ nền kinh tế sẽ phải dừng lại.

Đối với chủ trương thiên về phát triển có cân đối thì đây là một lời khuyên đưa người nghe đến chỗ tuyệt vọng. Tại sao lại như thế? Vì một nước đã nghèo mà còn nghe họ lập luận rằng nếu không muốn tiếp tục ở trong tình trạng nghèo nữa thì phải xây dựng cùng lúc một loạt các công nghiệp, bằng không thì tiếp tục sống trong trì trệ, bế tắc. Những người chủ trương thuyết phát triển cân đối cho rằng làm như vừa mô tả chỉ là một cố gắng tối thiểu nhưng tối quan trọng mà các nước nên làm. Rõ ràng lời khuyên này chỉ mang lại tuyệt vọng cho các nước nghèo mà thôi vì dù có gom hết các tài nguyên về mặt tài chính và quản lý lại, họ cũng chỉ dựng lên được một hai công nghiệp để đưa vào hoạt động mà thôi.

Trong phần lập luận trên đây, chúng tôi đã nói có rất ít bằng chứng cho thấy là tất cả các nước phải theo một hướng phát triển công nghiệp nhất định nào đó. Có một số nước khác thì lại tập trung phát triển các công nghiệp khác. Những người chủ trương thuyết phát triển không cân đối, đặc biệt là ông Albert Hirschman, thừa nhận là có những khác biệt này và sử dụng chúng để đề xuất ra những mẫu phát triển công nghiệp hoàn toàn khác hẳn với mô hình của Nurkse hoặc của Rosenstein-Rodan. Theo lập luận của những người chủ trương thuyết phát triển không cân đối, thì các nước có thể và nên tập trung mọi năng lực của mình vào một vài khu vực trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển. Trong phần lớn các trường hợp theo họ thì

ít có nguy hiểm cho các nước sản xuất một số lượng giày nhiều hơn mức họ có thể bán được.

Một vài mặt hàng công nghiệp đã có sẵn thị trường rồi trong điều kiện những người nông dân còn nghèo và ngay cả khi không có một phát triển cân đối nào cả. Thí dụ, một công nhân làm việc trong xí nghiệp ở thế kỷ 19 lại có thể sản xuất ra sợi bông với một sản lượng nhiều hơn sản lượng của một nông dân làm ra theo lối thủ công ở nông thôn đến 40 lần. Do đó, trong cách nhìn của người nông dân, điều hợp lý cho họ là mua sợi bông của xí nghiệp, đem về dệt ra vải để sử dụng. Lúc ban đầu, sợi bông này được nhập vào An Độ và Trung Quốc từ các xí nghiệp ở Anh. Nhưng không lâu sau đó các doanh nhân An Độ và Trung Quốc nhận thấy rằng họ có thể sản xuất nội địa sợi bông với giá rẻ hơn hàng nhập. Như vậy họ dùng hàng sản xuất trong nước để thay thế hàng nhập. Qui trình thay thế hàng nhập là một cách theo đó một nước có thể tìm được một thị trường có sẵn cho một trong những mặt hàng sản xuất trong nước của họ. Thị trường đã có sẵn ở đó rồi, các nhà làm kế hoạch chỉ có mỗi việc phải làm là phải chắc chắn rằng ngành công nghiệp nội địa có thể cạnh tranh một cách có hiệu quả với hàng nhập. Điều ta muốn nói ở đây là qui trình thay thế hàng nhập này là một cách để ta khởi sự công nghiệp hóa đất nước trên cơ sở vừa hạn chế vừa chọn lựa. Một cách khác để khởi sự công nghiệp hóa đất nước là dựa vào xuất khẩu như nước Anh đã làm trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp. Nếu không thể bán tất cả các sản phẩm của một xí nghiệp ở thị trường nội địa, thường thường ta có thể bán sản phẩm đó trên thị trường quốc tế miễn là ta sản xuất nó ra với một giá có thể cạnh tranh ở nước ngoài được.

Những người chủ trương thuyết phát triển không cân đối như ông Hirschman không tự thỏa mãn ở mức độ chỉ đơn giản chỉ cho những người có trách nhiệm làm chính sách hoặc làm kế hoạch lối thoát cho họ ra khỏi ngã ba đường do những người chủ trương thuyết phát triển cân đối mang đến cho họ. Ông Hirschman đã triển khai cái ý của ông về phát triển không cân đối thành một hệ thống nhằm lý giải cách thức tiến hành phát triển đối với một nước. Khái niệm chủ chốt trong thuyết của ông Hirschman là khái niệm về các liên kết. Công nghiệp này gắn liền với công nghiệp khác bằng những phương cách mà ta phải tính đến khi ta quyết định cho một chiến lược phát triển. Công nghiệp nào có liên kết lùi đối với một công nghiệp khác có nghĩa là sử dụng nhập lượng cho mình là sản phẩm của ngành công nghiệp kia. Thí dụ ngành chế tạo xe hơi sử dụng các sản phẩm của ngành chế tạo máy móc chế biến từ các kim

loại, các ngành này lại sử dụng rất nhiều thép do các nhà máy chế tạo thép làm ra. Như vậy, việc xây dựng một xưởng sản xuất xe hơi sẽ tạo ra một mức cầu về máy móc và thép. Lúc đầu mức cầu các mặt hàng nói trên sẽ được nhập, nhưng cuối cùng các doanh nhân trong nước nhận thấy rằng họ đã có sẵn một thị trường trong nước về thép và máy móc. Và mức cầu này thúc đẩy họ xây dựng lên các nhà máy sản xuất ra thép và máy móc. Những

người làm kế hoạch nào quan tâm đến việc gia tăng tốc độ phát triển của đất nước sẽ nhấn mạnh đến việc thành lập những công nghiệp nào có thể liên kết lùi mạnh vì chính các công nghiệp này mới khuyến khích mức sản xuất ở một số lớn nhất các khu vực sản xuất.

Công nghiệp nào sản xuất ra những mặt hàng trở thành nhập lượng cho các công nghiệp khác được biết như là có một liên kết tới đối với các công nghiệp kia. Thay vì khởi sự bằng việc xây dựng

một nhà máy sản xuất xe hơi, các nhà làm kế hoạch có thể bắt đầu khuyến khích xây dựng một nhà máy sản xuất thép. Nhận thấy ở trong nước đã có sẵn một nguồn cung ứng thép, các doanh nhân thấy phần khởi muốn xây dựng những nhà máy sử dụng lượng thép đó. Tương tự như vậy, khi ta khoan thành công đầu mỏ, điều này sẽ khuyến khích xây dựng những nhà máy lọc dầu cùng các phức hợp hóa dầu thay vì cứ tiếp tục chờ dầu ra nước ngoài để lọc.

Cả hai thể liên kết tiến và lùi đều tạo ra sức ép để xây dựng nên các công nghiệp mới, các công nghiệp mới này lại tạo ra những sức ép, và đây chuyển các sức ép cứ thế mà tạo ra. Các sức ép này tác động bằng hai đường: một, chúng tạo ra cơ hội có được lợi nhuận mới của các doanh nhân tư, từ đó họ xây dựng ra các doanh nghiệp mới để kiếm lợi nhuận. Hai là: người ta tạo sức ép thông qua bộ máy chính trị của đất nước và buộc các chính phủ phải hành động. Cả hai khu vực, tư nhân và nhà nước đều có những hành động song song. Thí dụ, những nhà đầu tư tư nhân có thể quyết định xây dựng một xí nghiệp ở một địa điểm nào đó nhưng đồng thời không cung cấp đầy đủ nhà ở cho các công nhân mới đến làm cho xí nghiệp hoặc không làm đường để vận tải cung ứng nguyên vật liệu và vận chuyển hàng sản xuất từ nhà máy ra thị trường tiêu thụ. Nhà nước có thể bị bắt buộc phải nhảy vào trong trường hợp như thế để xây dựng nhà ở và đường sá.

Hai thuyết này có vẻ cơ bản mâu thuẫn với nhau, nhưng nếu chúng được trình bày một cách không cực đoan thì ta có thể thấy chẳng qua chúng chỉ là hai mặt của một đồng tiền mà thôi. Ta đã biết không một nước nào bắt buộc phải đeo đuổi một mẫu phát triển công nghiệp giống như một nước khác. Hơn nữa, trong suốt quá trình phát triển, một nước có thể tùy theo hoàn cảnh riêng biệt mà chọn cách phát triển phù hợp. Có thể chọn chính sách phát triển dựa trên thuyết phát triển cần đối trong suốt quá trình công nghiệp hóa đất nước của mình, nhưng cũng có thể chọn chính sách dựa trên thuyết phát triển không cần đối trong buổi ban đầu với một ý thức rõ ràng là những mất cân đối này qua một số tác động qua lại sẽ đưa nền kinh tế trở về quỹ đạo của sự phát triển cân đối.

Trên đây là một số vấn đề có liên quan đến việc quyết định một hướng tối ưu cho sự nghiệp công nghiệp hóa Việt Nam từ đây cho đến năm 2000 và sau đó nữa. Chúng tôi xin nêu ra đây để chúng ta cùng suy nghĩ hầu có được chính sách và những kế hoạch đúng đắn lúc đúng mức cho việc công nghiệp hóa đất nước.

PTV.

LỜI TÒA SOẠN:

Muốn ổn định và phát triển sản xuất, mở rộng một cách có hiệu quả đầu tư nước ngoài nhằm phát triển nền kinh tế Việt Nam đang chuyển theo hướng thị trường, thì guồng máy kinh tế quốc gia phải vận hành nhịp nhàng và có hiệu quả. Vì vậy, cần phải có một nền tài chính quốc gia phù hợp. Đây là vấn đề lớn rộng và phức tạp, đòi hỏi các nỗ lực trong việc xác định một hệ thống chính sách tài chính hợp lý, những kế hoạch và bước đi cụ thể... Vì lý do đó, chúng tôi xin mở ra mục diễn đàn "ĐỂ TIẾN TỚI MỘT NỀN TÀI CHÍNH QUỐC GIA PHÙ HỢP...", và xin mạn phép được nêu ra một số vấn đề để thảo luận. Mong rằng với Diễn đàn này trên Tạp chí PTKT, chúng ta sẽ tập hợp được thật nhiều ý kiến đóng góp, nhằm góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn mới.

PTKT.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG:

1/ Theo ý Ông (Bà), một chính sách TÀI CHÍNH QUỐC GIA toàn diện phải bao gồm những yếu tố nào? Mối tương quan giữa những yếu tố này phải được đặt trên căn bản hệ thống nào?

2/ Việc xây dựng chính sách tài chính quốc gia xuất phát từ những tiền đề và điều kiện nào? Đầu là cơ sở cho việc hoạch định chính sách tài chính quốc gia? (Kể cả cơ sở lý thuyết lẫn cơ sở thực tiễn)

3/ Những mục tiêu của việc đổi mới hệ thống tài chính-tín dụng và xây dựng một chính sách tài chính quốc gia toàn diện là gì? (Mục tiêu trước mắt cũng như mục tiêu lâu dài)

4/ Ông (Bà) đánh giá như thế nào về sự vận hành của guồng máy tài chính quốc gia hiện nay? Những khuyết tật của guồng máy? Nguyên nhân? Các giải pháp đề nghị?

5/ Cần phải làm gì và làm như thế nào để xây dựng một nền tài chính quốc gia phục vụ hữu hiệu cho sự ổn định và phát triển kinh tế? Việc cải tổ tài chính quốc gia cần được tiến hành theo những bước đi cụ thể như thế nào? (Câu trả lời càng cụ thể và chi tiết càng tốt).

II/ CÁC VẤN ĐỀ CỤ THỂ:

1/ Vị trí của Luật tài chính và Luật ngân sách trong hệ thống luật kinh tế và trong đời sống thực tiễn của nền kinh tế thị trường.

2/ Quan niệm về TÀI CHÍNH CÔNG (Public Finance) nên được đặt ra và giải quyết như thế nào?

4/ Cơ chế GIÁ - LƯƠNG - TIỀN được đặt ra và giải quyết như thế nào trong hệ thống chính sách tài chính quốc gia?

5/ Cơ chế ấn định lãi suất và hối suất.

6/ Các vấn đề thuế khóa.

7/ Các công cụ kế toán và kiểm toán trong nền tài chính quốc gia.

8/ Các vấn đề về thị trường tài chính, thị trường chứng khoán...

9/ Các vấn đề về quan hệ tài chính đối ngoại.

10/ Các vấn đề về tài chính xí nghiệp.

ĐỂ TIẾN TỚI XÂY DỰNG MỘT NỀN TÀI CHÍNH QUỐC GIA PHÙ HỢP VỚI CƠ CHẾ MỚI CỦA NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG